

Bản án số: 42/2026/HS-ST
Ngày: 13 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàn

2. Bà Lê Thị Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 7- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2026/TLST-HS, ngày 09/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 04 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Đức N; sinh ngày: 06/01/1996, tại xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038096036292 (Theo danh, chỉ bản số 93 do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 13/09/2025); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đức Đ, con bà: Bùi Thị M; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/09/2025 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Thị X; sinh ngày: 07/05/1993, tại xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038193014011 (Theo danh, chỉ bản số 233 do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 09/3/2026); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T, con bà: Đinh Thị M; Chồng: Bùi Văn N; Con: Có 03 con, con lớn nhất 10 tuổi, con nhỏ nhất 5 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/02/2026 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Chị Lò Thị T; Sinh ngày: 08/03/1992 (Đã chết)

Người đại diện hợp pháp của chị Thủy:

1.1. Bà Lò Thị P; Sinh năm: 1953 (Mẹ chị T)

Địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên.

1.2. Anh Bùi Văn T; Sinh ngày: 1995 (Chồng chị T)

Địa chỉ: Thôn T, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa.

Anh T là người đại diện theo ủy quyền của bà P.
(Anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Bùi Thị X; sinh ngày: 07/05/1993

Địa chỉ: Thôn T, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị X là người bị hại trong hành vi phạm tội của Bùi Đức N)- Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/7/2025, tại ngã tư giao nhau nhau giữa Quốc lộ 217B với Tỉnh lộ 523. Bùi Đức N điều khiển xe ô tô BKS 19N-3070 không giảm tốc độ đã đâm vào xe mô tô BKS 36AE - 004.09 do Bùi Thị X điều khiển, chở theo sau là chị Lò Thị T, dẫn đến tai nạn giao thông làm chị T tử vong do chấn thương sọ não, Bùi Thị X bị thương tích 59% (*năm chín phần trăm*).

Đối với Bùi Thị X, khi điều khiển xe mô tô BKS 36AE-004.09 chuẩn bị rẽ trái vào Tỉnh lộ 523, đã thực hiện các biện pháp: quan sát, giảm tốc độ, xi nhan trái nhưng khi quan sát thấy xe ô tô do N điều khiển cách khoảng 100m với vận tốc nhanh, X đã không nhường đường cho xe đi ngược chiều mà vẫn điều khiển xe mô tô chuyển hướng từ phải sang trái, đi sang phần đường của xe ô tô, sau khi thấy xe ô tô của N đi đến gần (khoảng 10m) mới đánh lái ngược trở lại phần đường của mình dẫn đến xảy ra va chạm với xe ô tô do N điều khiển và gây ra hậu quả như đã nêu trên.

Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, Cơ quan CSĐT đã tiến hành thu mẫu máu của những người liên quan trong vụ tai nạn giao thông để phục vụ giám định cồn, ma túy.

- Tại bản Kết luận giám định số 5366/KL-KTHS ngày 25/7/2025 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *“Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy trong các mẫu máu ghi thu của Bùi Đức N, Bùi Thị X và Lò Thị T gửi giám định.”*

- Tại bản Kết luận giám định số 2676/KL-KTHS ngày 28/7/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: *“Các mẫu máu của Bùi Đức N, Bùi Thị X và Lò Thị T niêm phong gửi giám định không có Ethanol (cồn).”*

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 03/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã Ng kết luận:

“Thiệt hại tài sản do tai nạn giao thông gây nên đối với xe mô tô biển số 36AE – 004.09 là 2.877.000đ (hai triệu tám trăm bảy bảy nghìn đồng), đối với xe ô tô biển số 19N – 3073 là 4.450.000đ (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng 7.327.000đ (bảy triệu ba trăm hai bảy nghìn đồng).”

Về trách nhiệm dân sự: Bùi Đức N đã tự nguyện bồi thường dân sự cho gia đình chị Lò Thị T 220.000.000đ (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*), tự nguyện bồi thường dân sự cho Bùi Thị X 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Bùi Thị X và gia đình Lò Thị T đồng ý với mức bồi thường trên và không yêu cầu Bùi Đức N bồi thường thêm. Bùi

Thị X bồi thường cho gia đình Lò Thị T 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), đại diện gia đình chị Lò Thị T đồng ý với mức bồi thường trên và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKSKV7, ngày 08/4/2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) khu vực 7- Thanh Hóa đã truy tố Bùi Đức N và Bùi Thị X về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Phản tranh tụng phiên tòa Đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 BLHS, xử phạt Bùi Đức N từ 18 tháng đến 21 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 BLHS, xử phạt Bùi Thị X từ 12 tháng đến 14 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận xong trong giai đoạn điều tra và không yêu cầu bồi thường gì thêm, đại diện VKS đề nghị không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đại diện VKS không đề cập xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/7/2025, tại ngã tư giao nhau giữa Quốc lộ 217B với Tỉnh lộ 523. Bùi Đức N điều khiển xe ô tô BKS 19N-3070 không giảm tốc độ đã đâm vào xe mô tô BKS 36AE - 004.09 do Bùi Thị X điều khiển, chở theo sau là chị Lò Thị T, dẫn đến tai nạn giao thông làm chị T tử vong do chấn thương sọ não, Bùi Thị X bị thương tích 59% (*năm chín phần trăm*). Đối với Bùi Thị X, khi điều khiển xe mô tô BKS 36AE-004.09 chuẩn bị rẽ trái vào Tỉnh lộ 523, đã thực hiện các biện pháp: quan sát, giảm tốc độ, xi nhan trái nhưng khi quan sát thấy xe ô tô do N điều khiển cách khoảng 100m với vận tốc nhanh, X đã không nhường đường cho

xe đi ngược chiều mà vẫn điều khiển xe mô tô chuyển hướng từ phải sang trái, đi sang phần đường của xe ô tô, sau khi thấy xe ô tô của N đi đến gần (khoảng 10m) mới đánh lái ngược trở lại phần đường của mình dẫn đến xảy ra va chạm với xe ô tô do N điều khiển.

Hành vi nêu trên của Bùi Đức N đã vi phạm điểm d khoảng 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe: “3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau đây: ...d) Nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ..”

Hành vi điều khiển xe mô tô của X đã vi phạm khoản 3 Điều 15 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định về chuyển hướng xe: “Khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường đường cho người đi bộ, xe thô sơ, xe đi ngược chiều và chỉ chuyển hướng khi không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người, phương tiện khác...”

Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ để khẳng định, hành vi của Bùi Đức N và Bùi Thị X đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Cáo trạng của Viện trưởng VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất của vụ án: Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xét xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của người dân khi tham gia giao thông.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi phạm tội đã tích cực thăm hỏi, bồi thường xong phần dân sự cho gia đình bị hại và được đại diện gia đình bị hại viết đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo N có ông ngoại được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo X có ông ngoại là liệt sĩ. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, việc Bùi Đức N gây tai nạn giao thông cũng có một phần lỗi của bị hại Bùi Thị X. Do đó, HĐXX áp dụng cho bị cáo N hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với Bùi Thị X, từ sau khi tai nạn xảy ra, sức khỏe bị giảm sút đáng kể. Bản thân bị cáo cũng bị cố tật, khó có khả năng hồi phục, việc lao động và sinh hoạt rất khó khăn. Bản thân bị cáo đang phải nuôi 3 con nhỏ (lớn 10 tuổi, nhỏ 5 tuổi). Do đó, HĐXX áp dụng cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Mặc dù các bị cáo phạm tội nghiêm trọng nhưng là lỗi vô ý, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Đại diện của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên HĐXX không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Đức N.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Thị X.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Đức N và Bùi Thị X phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Đức N 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị X 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Đức N và Bùi Thị X cho Ủy ban nhân dân xã Ng, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp được hưởng án treo thay người đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bùi Đức N và Bùi Thị X, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị hại Lò Thị T. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại Lò Thị T có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người ĐDHP của người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cúc

